

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/DS-PT

Ngày: 12 - 02 - 2026

“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Tử Lượng.
+ Ông Bùi Văn Biền.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLST-DS ngày 15/10/2025 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐ-PT ngày 06/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐ-PT ngày 06/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị H: ông Khuất Hữu Vũ Trung và ông Phạm Thành Đạt; Luật sư của công ty Luật TNHH Paci, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: tầng 6 Tháp Tây, toà nhà Hancorp Plaza, số 72, đường Trần Đăng Ninh, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội. (Ông Đạt có mặt; ông Trung vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Bùi Đức T, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Đức T: anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994; Địa chỉ: số 7, ngõ 1 đường T, xã T, thành phố Hà Nội; Văn bản uỷ quyền ngày 23 tháng 12 năm 2025 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Đức T: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh; Luật sư của công ty Luật TNHH Kỳ Vọng Việt, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 7, ngõ 1, đường T, xã T, thành phố Hà Nội (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Ông Bùi Đức H, sinh năm 1977; Địa chỉ: tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị Đ và ông Bùi Đức H: bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1967 (Có mặt).

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 2005 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất trình bày: cụ ông Bùi Quang T1, sinh năm 1935, chết năm 2020 và vợ là cụ bà Lữ Thị M, sinh năm 1936, chết năm 1993, hai cụ sinh được 04 người con gồm: ông Bùi Đức T, sinh năm 1966; bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1970; bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; ông Bùi Đức H, sinh năm 1977.

Cụ T1 và cụ M không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ cụ T1 đều chết trước cụ T1, bố mẹ cụ M đều chết trước cụ M.

Di sản cụ T1 và cụ M để lại gồm:

- Thừa đất số 734, tờ bản đồ số 7, diện tích 82,5m² đất ở tại đô thị; địa chỉ thửa đất: M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình); được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố P, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CA 468114 ngày 15/10/2025 mang tên cụ Bùi Quang T1 (sau đây viết tắt là thửa đất số 734). Trên đất không có tài sản gì.

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8, diện tích 419m² (trong đó: 208m² đất thổ cư, 141m² đất vườn lâu năm, 70m² đất vườn trồng cây hàng năm); địa chỉ thửa đất: tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình); được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ số X 773995 ngày 27/9/2004 mang tên hộ ông Bùi Quang T1 (sau đây viết tắt là thửa đất số 46). Tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng hai tầng xây năm 1997 và các công trình phụ trên đất. Hiện nay gia đình ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức H đang sinh sống trên thửa đất này.

- Ngoài ra cụ T1 và cụ M không còn tài sản chung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, bà Bùi Thị H là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Đức H và bà Bùi Thị Đ trình bày:

Các tài sản trên hai thửa đất số 734 và thửa đất số 46 nêu trên đều do cụ Bùi Quang T1 xây dựng. Nguồn tiền xây dựng nhà mái bằng năm 1997 do Nhà nước bồi thường đất ruộng của bố mẹ và các con và tiền tiết kiệm của cụ T1 xây dựng nên. Đối với ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 2017, nguồn tiền xây dựng do Nhà nước thu hồi và bồi thường đất nông nghiệp của bố mẹ và các con (07 suất) cùng tiền tiết kiệm của cụ T1 xây dựng nên. Tiền đền bù đất nông nghiệp, hoa màu và đất dịch vụ do thu hồi đất nông nghiệp cụ T1 là người trực tiếp nhận tiền và bán đất dịch vụ, cụ T1 quản lý toàn bộ, bà H, bà Đ và ông H không được nhận. Trước đây bà H yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 46, sau đó bà đã xuất trình thêm Quyết định thu hồi đất số 1544/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND thành phố P thu hồi 33m² đất trồng cây lâu năm, nên thửa đất số 46 còn lại diện tích là 386m² (trong đó: 208m² đất thổ cư, 108m² đất vườn lâu năm và 70m² đất vườn trồng cây hàng năm). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của cụ T1 và cụ M để lại như trên theo quy định của pháp luật và phân chia bằng hiện vật là đất cho bà và bà Đ.

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Th đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Bùi Đức T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị G, anh Bùi Văn T tại cấp sơ thẩm trình bày:* Cụ M chết năm 1993, sau khi cụ M chết có để lại phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của cụ M và một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8. Sau đó Nhà nước thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp của cả gia đình (gồm 07 người là cụ T1, cụ M, 04 người con đẻ là ông T, bà H, bà Đ, ông H và bà G là con dâu) và một phần diện tích đất tại thửa đất số 46. Thửa đất số 734 tờ bản đồ số 7 diện tích 82,5m² có nguồn gốc do Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất số 46 và bồi thường thành thửa đất số 734. Ngoài ra thửa số 734 còn phải nộp thêm vào Ngân sách nhà nước số tiền 206.250.000 đồng, bà G là người trực tiếp nộp vào Ngân sách Nhà

nước, nguồn tiền nộp là của ông T và bà G. Thửa đất số 734 trên đất không có tài sản gì. Đối với phần đất nông nghiệp bị thu hồi (khoảng 50 đến 60 triệu đồng) và tiền bồi thường đất nông nghiệp là 11 triệu đồng cụ T1 là người nhận tiền đền bù và đã trả trực tiếp tiền đền bù cho bà Đ và bà H.

Thửa đất số 46 trên đất có xây dựng 01 nhà mái bằng hai tầng công trình phụ khép kín xây dựng năm 2017; 01 nhà mái bằng hai tầng và công trình phụ gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, 01 bếp cấp bốn được xây dựng năm 1997. Bà G, ông T kết hôn năm 1990 sinh sống cùng cụ T1, cụ M tại thửa đất số 46. Nguồn tiền xây dựng ngôi nhà mái bằng năm 1997 do cụ T1, ông T, bà G xây dựng, ngoài ra không có ai đóng góp. Thời điểm xây dựng nhà năm 1997 có cụ T1, ông T, bà G, ông H sinh sống trên thửa đất. Đối với ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 2017 nguồn tiền xây dựng từ tiền đền bù thu hồi đất nông nghiệp của 05 suất (cụ T1, cụ M, ông T, bà G, ông H) và tiền lao động của ông bà G T xây dựng nên, cụ T1 đã yếu không lao động được. Tuy nhiên ngoài trình bày, chị Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức đóng góp của ông T bà G vào tài sản trên đất.

Hiện nay, trên thửa đất số 46 có bà H, ông H, ông T, bà G, chị và anh Thịnh đang ở trên nhà tại thửa đất số 46, quá trình sinh sống trên thửa đất chị và anh Thịnh không đóng góp công sức gì vào việc xây sửa, tôn tạo, tạo lập tài sản trên thửa đất số 46. Trước khi chết cụ M không để lại di chúc, cụ T1 để lại 02 di chúc lập ngày 11/12/2018 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Hà Nam. Nay bà H yêu cầu chia thừa kế của cụ T1 và cụ M để lại, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản của cụ M theo pháp luật và di sản của cụ T1 theo di chúc. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết số tiền 206.250.000 đồng bà G đã nộp vào ngân sách Nhà nước được quy ra bằng đất tại thời điểm nộp và trả cho ông T, bà G bằng đất.

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệp trình bày:* Đối với khoản tiền bồi thường đền bù đất sản xuất nông nghiệp và đất dịch vụ do thu hồi đất nông nghiệp tiêu chuẩn của bà, cụ T1 là người nhận tiền toàn bộ và đã bán đất dịch vụ. Đến nay bà chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ cụ T1. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Bùi Thị Đ có ý kiến thêm: Bà đề nghị được hưởng di sản thừa kế của cụ T1 và cụ M theo quy định của pháp luật và xin được nhận thừa kế bằng đất. Tuy nhiên, trường hợp bà H được hưởng thừa kế bằng nhà đất có giá trị lớn và phải thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà thì bà xin tặng cho lại bà H phần phải thanh toán bằng tiền cho bà.

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức H trình bày:* Ông nhất trí với toàn bộ nội dung bà H trình bày. Hiện nay ông đang ở cùng bà H và được bà H trông nom, chăm sóc, mọi sinh hoạt cá nhân của ông phụ thuộc hoàn toàn vào bà H. Ông đề nghị được hưởng công sức đóng góp vào tài sản chung của cụ

T1 và cụ M, đồng thời được hưởng thừa kế di sản của Thuận và cụ M theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phần của ông được hưởng ông đề nghị tặng cho lại bà H toàn bộ.

**. Ngày 03/4/2025, Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã tiến hành việc định giá tài sản đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đang có tranh chấp. Ngày 15/5/2025, Hội đồng định giá tài sản thành phố P, tỉnh Hà Nam đã ban hành kết luận định giá tài sản số 12/2025/HĐĐG, kết quả định giá như sau:*

- Thửa đất số 734, tờ bản đồ số 7, diện tích 82,5m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), mang tên ông Bùi Quang T1 được UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 468114, sổ vào sổ cấp GCN: CH07415 ngày 15/10/2015 có giá trị = 379.500.000 đồng (ba trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8, diện tích 419m² (trong đó: 208m² đất ở, 141m² đất vườn lâu năm và 70m² đất vườn trồng cây hàng năm), tại địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), mang tên hộ ông Bùi Quang T1 được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 773995, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 QSĐĐ/773/QĐ-UB(TX) ngày 27/9/2004. Qua kết quả đo đạc hiện trạng và diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên có diện tích 386m², trong đó có 208m² đất ở x 15.000.000đ/m² = 3.120.000.000 đồng; 108m² đất vườn lâu năm x 80.000đ/m² 8.640.000 đồng; 70m² đất vườn trồng cây hàng năm khác x 65.000đ/m² = 4.550.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất là: 3.133.190.000 đồng (ba tỷ, một trăm ba mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- 01 nhà mái bằng 02 tầng, móng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ 220, cửa gỗ, cửa khung nhôm kính, cầu thang bản bậc đá xẻ, tay vịn gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín xây dựng năm 2017 có giá trị 1.002.344.000 đồng; sân lát gạch hoa trước cửa nhà có giá trị 9.472.000 đồng; tường rào xây gạch đỏ, xi trước cửa nhà có giá trị 10.793.000 đồng; trụ cổng xây gạch đỏ x 2 trụ có giá trị 1.199.000 đồng; mái bê tông cốt thép trên trụ cổng có giá trị 968.000 đồng; cánh cổng Inox có giá trị 2.857.000 đồng.

- 01 nhà mái bằng hai tầng cũ, móng xây gạch, đá, tường xây gạch, cửa nhôm kính, nền lát gạch hoa, cao 3,9m xây dựng năm 1997 có giá trị 111.043.000 đồng; bán mái lợp tôn trước cửa nhà, vỉ kèo thép, khung thép có giá trị 7.016.000 đồng; tường rào xây gạch xi 110 có giá trị 162.000 đồng; 01 bể nước lọc, giếng khoan có giá trị 1.236.000 đồng; 01 nhà bếp cấp bốn, tường xây gạch đỏ, mái lợp fipro xi măng, đòn tay luồng, nền láng vữa xi măng, cao 2,1m có giá trị 2.764.000 đồng;

tường xây gạch đỏ phía tây nhà có giá trị 6.462.000 đồng; 01 nhà vệ sinh, mái bằng, tường xây gạch đỏ 110, móng gạch, cửa nhôm kính, cao 2,7m có giá trị 10.854.000 đồng; 01 Téc nước Inox 1m³ có giá trị 1.725.000 đồng.

Tổng giá trị các công trình trên đất là: 1.168.895.000 đồng.

- Cây cối, hoa màu trên đất: 04 cây đu đủ có giá 288.000 đồng; 01 cây bơ có giá 196.000 đồng. Tổng giá trị cây cối, hoa màu trên đất là: 484.000 đồng.

**. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8, diện tích 419m², địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) có nguồn gốc do bố mẹ cụ T1 để lại cho cụ Bùi Quang T1. Đến năm 1994 cụ Bùi Quang T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa số 32, tờ bản đồ số 7, diện tích 612m² (trong đó 264m² đất ở, 348m² đất vườn). Đến năm 2004 thực hiện Kế hoạch 566 về việc xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, diện tích đất của cụ Bùi Quang T1 được đưa vào xây dựng phương án loại hình vi phạm tổng hợp, trong đó chuyển mục đích sử dụng là 88m² đất vườn, truy thu tiền sử dụng đất là 704.000 đồng, tăng diện tích 70m², diện tích được đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 592m². Ngày 27/9/2004 hộ cụ T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 46, tờ bản đồ số 8.

Năm 2015 thực hiện dự án thu hồi đường 68, hộ cụ Bùi Quang T1 bị thu hồi 149m² (trong đó đất ODT: 110m², đất CLN: 39m²), diện tích còn lại là 443m² (trong đó đất ODT: 231m², đất CLN: 142m², đất BHK: 70m²). Cụ Bùi Quang T1 được bố trí một lô đất tái định cư và được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Bùi Quang T1 tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 7, diện tích 82,5m²; địa chỉ: tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

Năm 2016 Nhà nước thu hồi 24m² (trong đó đất ODT: 23m², đất CLN: 01m²), diện tích còn lại là 419m². Hộ cụ Bùi Quang T1 có 07 tiêu chuẩn đất nông nghiệp cho 07 người gồm: cụ Bùi Quang T1, cụ Lữ Thị M, ông Bùi Đức T, bà Hoàng Thị G, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H. Năm 1992 thực hiện chỉ thị 115 chia đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ gia đình, hộ cụ Bùi Quang T1 được sử dụng 3644m² đất sản xuất nông nghiệp. Năm 1997 thực hiện dự án xây dựng nghĩa trang liệt sĩ xã, gia đình cụ T1 bị thu hồi 575m². Năm 2008 thực hiện xây dựng đường vành đai của UBND thành phố, gia đình cụ T1 bị thu hồi 592m² và hoa màu. Năm 2010 bị thu hồi 2.477m² và hỗ trợ gạo, hoa màu. Tổng số tiền ba lần thu hồi đất sản xuất nông nghiệp hộ cụ T1 được hưởng là 184.205.000 đồng. Toàn bộ số tiền này cụ T1 là đại diện hộ gia đình ký và nhận

tiền. Sau khi thu hồi tổng thể đất sản xuất nông nghiệp, gia đình cụ T1 được hưởng đất dịch vụ là 29,6m² đất 5% và 173,39m² đất 7%. Cụ T1 đã bán toàn bộ đất dịch vụ và nhận tiền, giá bán do các bên tự thỏa thuận, địa phương không nắm được. Nay bà Bùi Thị H khởi kiện chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**. Đối với 02 di chúc lập ngày 11/12/2018, bà Lê Thị Hoài Thương công chứng viên thực hiện công chứng di chúc trình bày:* Sau khi tiếp nhận thông tin từ công dân, kiểm tra các giấy tờ liên quan đến việc lập di chúc gồm: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân của người lập di chúc và người được hưởng di chúc, bà đã soạn dự thảo của di chúc theo yêu cầu của cụ Bùi Quang T1. Do cụ T1 tuổi cao, đi lại khó khăn nên bà đã trực tiếp đến nhà cụ T1. Tại thời điểm lập di chúc cụ T1 hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, ép buộc, đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Cụ T1 đã tự đọc toàn bộ 02 bản di chúc và tự ký tên, điểm chỉ vào di chúc trước mặt bà Lê Thị Hoài Thương. Sau khi cụ T1 ký di chúc, bà đã hoàn thiện di chúc tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Hà Nam; địa chỉ Số 134 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình) và trả di chúc cho người lập di chúc. Việc lập 02 bản di chúc ngày 11/12/2018 của cụ Bùi Quang T1 là đúng quy định pháp luật, không vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 68; 92; 144; 147; 157; 165; 184; 185; 271; 273; 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 111; 149; 609; 610; 611; 612; 613; 614; 615; 623; 624; 625; 626; 627; 628; 630; 631; 635; 639; 643; 644; 649; 650; 651; 658; 659; 660; 662; 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

2. Những người được hưởng thừa kế:

- Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lữ Thị M gồm: Cụ Bùi Quang T1, ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H.

- Xác định những người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Bùi Quang T1 gồm ông Bùi Đức T và bà Hoàng Thị G.

- Xác định người được hưởng thừa kế tài sản của cụ Bùi Quang T1 không phụ thuộc vào nội dung di chúc là ông Bùi Đức H.

- Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của Quang Thuận gồm: Ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H.

3. Công nhận di sản hợp pháp của cụ Bùi Quang T1 và cụ Lữ Thị M để lại bao gồm:

- Thừa đất số 734, tờ bản đồ số 7, diện tích 82,5m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), mang tên ông Bùi Quang T1 được UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 468114, sổ vào sổ cấp GCN: CHO7415 ngày 15/10/2015 có giá trị=379.500.000 đồng (ba trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Thừa đất số 46, tờ bản đồ số 8, diện tích 386m² (trong đó: 208m² đất ở, 108m² đất vườn trồng cây lâu năm và 70m² đất vườn trồng cây hàng năm), tại địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), mang tên hộ ông Bùi Quang T1 được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 773995, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 QSDĐ/773/QĐ- UB(TX) ngày 27/9/2004 có giá trị thừa đất là: 3.133.190.000 đồng (ba tỷ, một trăm ba mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng 02 tầng, móng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ 220, cửa gỗ, cửa khung nhôm kính, cầu thang bản bậc đá xẻ, tay vịn gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín xây dựng năm 2017 (nhà số 1) có giá trị 1.002.344.000 đồng; sân lát gạch hoa trước cửa nhà có giá trị 9.472.000 đồng; tường rào xây gạch đỏ, xi trước của nhà có giá trị 10.793.000 đồng; trụ cổng xây gạch đỏ x 2 trụ có giá trị 1.199.000 đồng; mái bê tông cốt thép trên trụ cổng có giá trị 968.000 đồng; cánh cổng Inox có giá trị 2.857.000 đồng; 01 nhà mái bằng hai tầng cũ, móng xây gạch, đá, tường xây gạch, cửa nhôm kính, nền lát gạch hoa, cao 3,9 m xây dựng năm 1997 (nhà số 2) có giá trị 111.043.000 đồng; bán mái tôn trước cửa nhà, vì kèo thép, khung thép có giá trị 7.016.000 đồng; tường rào xây gạch xi 110 có giá trị 162.000 đồng; 01 bể nước lọc, giếng khoan có giá trị 1.236.000 đồng; 01 nhà bếp cấp bốn, tường xây gạch đỏ, mái lợp fipro xi măng, đòn tay luồng, nền láng vữa xi măng, cao 2,1 m có giá trị 2.764.000 đồng; tường xây gạch đỏ phía tây nhà có giá trị 6.462.000 đồng; 01 nhà vệ sinh, mái bằng, tường xây gạch đỏ 110, móng

gạch, cửa nhôm kính, cao 2,7m có giá trị 10.854.000 đồng; 01 Téc nước Inox 1m³ có giá trị 1.725.000 đồng. Tổng giá trị các công trình trên đất là: 1.168.895.000 đồng.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 4.681.585.000 đồng.

4. Xác định công sức đóng góp của ông Bùi Đức T, bà Hoàng Thị G, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H vào tài sản chung của cụ Bùi Quang T1 và cụ Lữ Thị M mỗi người đóng góp trị giá tài sản là 100.000.000 đồng.

5. Xác định giá trị di sản mà mỗi kỹ phần được hưởng:

- Ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H mỗi người được hưởng trị giá di sản từ cụ Lữ Thị M là 397.533.500 đồng.

- Ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H mỗi người được hưởng trị giá di sản từ cụ Bùi Quang T1 được chia theo pháp luật là 682.500 đồng.

- Ông Bùi Đức H được hưởng thừa kế di sản của cụ Bùi Quang T1 không phụ thuộc vào nội dung di chúc là 397.078.500 đồng.

- Ông Bùi Đức T và bà Hoàng Thị G được hưởng thừa kế theo di chúc di sản của cụ Bùi Quang T1 là 1.985.392.500 đồng.

6. Công nhận sự tự nguyện tặng cho, nhượng lại phần di sản thừa kế được thưởng và công sức đóng góp giữa ông Bùi Đức H và bà Bùi Thị H.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho, nhượng lại một phần di sản thừa kế được thưởng bằng tiền giữa bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị H.

7. Xác định nghĩa vụ tài sản của cụ Bùi Quang T1 và cụ Lữ Thị M để lại là 206.250.000 đồng.

8. Về phân chia di sản thừa kế:

Phân chia cho ông Bùi Đức T và bà Hoàng Thị G được quyền sử dụng 225m² đất di sản tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Mễ Nội, phường P, tỉnh Ninh Bình) trong đó đất ODT là 47m² = 705.000.000 đồng; đất CLN là 108m² = 8.640.000 đồng; đất BHK là 70m² = 4.550.000 đồng. Tổng giá trị di sản là đất chia cho ông T và bà G được hưởng là 718.190.000 đồng. Phần đất chia cho ông T và bà G có các cạnh như sau: Phía Đông giáp ngõ xóm dài 17,72m; phía Tây giáp đường 68 dài 14,5m; phía Nam giáp đường dài 8,5m và 4,77m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà H dài 13,58 m.

Trên đất có tài sản gồm: 01 nhà mái bằng hai tầng, móng bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ 220, cửa gỗ, cửa khung nhôm kính,

cầu thang bản bậc đá xẻ, tay vịn gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín xây dựng năm 2017 = 1.002.344.000 đồng; sân lát gạch hoa trước cửa nhà có giá trị 9.472.000 đồng; tường rào xây gạch đỏ, xi trước cửa nhà có giá trị 10.793.000 đồng; trụ cổng xây gạch đỏ x 2 trụ có giá trị 1.199.000 đồng; mái bê tông cốt thép trên trụ cổng có giá trị 968.000 đồng; cánh cổng Inox có giá trị 2.857.000 đồng; 01 phần mái tôn sau nhà 2.416.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi phía đông 23.000 đồng; 01 phần bể lọc, giếng khoan 824.000 đồng; 01 phần tường xây gạch đỏ phía Tây 3.231.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho ông T và bà G là 1.034.127.000 đồng. Ngoài ra trên đất còn có 03 cây đu đủ và 01 cây bơ do ông T và bà G trồng.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho ông Bùi Đức T và bà Hoàng Thị G quản lý sử dụng là 1.752.317.000 đồng.

- Phân chia cho bà Bùi Thị H được quyền sử dụng 161m² đất ODT di sản tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8 có trị giá 2.415.000.000 đồng. Phần đất chia cho bà H có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 9,1m và 5,94m; phía Tây giáp đường 68 dài 14,7m; phía Nam giáp đất chia cho ông T dài 13,58m; phía Bắc giáp đất nhà ông Hưởng dài 5,68m và giáp ngõ đi chung dài 5,87m.

Trên đất có tài sản gồm: 01 nhà mái bằng hai tầng cũ, móng xây gạch, đá, tường xây gạch, cửa nhôm kính, nền lát gạch hoa, cao 3,9 m xây dựng năm 1997 = 111.043.000 đồng; 01 phần bán mái tôn trước cửa nhà, vữa xi măng, khung thép = 4.600.000 đồng; 01 phần tường rào phía Đông xây gạch xi 110=139.000 đồng; phần bể nước lọc, giếng khoan 412.000 đồng; 01 nhà bếp cấp bốn, tường xây gạch đỏ, mái lợp fipro xi măng, đòn tay luồng, nền láng vữa xi măng = 2.764.000 đồng; 01 phần tường xây gạch đỏ phía tây nhà 3.231.000 đồng; 01 nhà vệ sinh, mái bằng, tường xây gạch đỏ 110, móng gạch, cửa nhôm kính = 10.854.000 đồng; 01 Téc nước Inox 1m³ = 1.725.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho bà H là: 134.768.000 đồng. Ngoài ra trên đất còn có 01 cây đu đủ.

Bà Bùi Thị H có trách nhiệm thanh toán trả bà Hoàng Thị G 100.000.000 đồng; thanh toán trả ông Bùi Đức T 498.216.000 đồng; thanh toán trả vợ chồng ông Bùi Đức T và bà Hoàng Thị G 439.325.500 đồng và 01 cây đu đủ 72.000 đồng. Bà Bùi Thị H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Bùi Thị Đ và ông Bùi Đức H.

- Phân chia cho bà Bùi Thị Đ được quyền sử dụng 82,5m² tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 7; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố M, phường P, tỉnh Ninh Bình) có trị giá 379.500.000 đồng. Phần đất chia cho bà Đ có các cạnh như sau: Phía Đông giáp nhà ông Hoan dài 16,5m; phía Tây giáp nhà bà Hoài dài 16,5m; phía Nam giáp nhà ông Hảo dài 5m; phía Bắc giáp đường Mộc Trà dài 5m.

9. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2025, nguyên đơn bà Bùi Thị H có Đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận hai bản di chúc đề ngày 11/12/2018 của ông Bùi Quang T1 và không ghi nhận số tiền 206.250.000 đồng ông Bùi Quang T1 nộp năm 2015 là của bà Hoàng Thị G.

Ngày 27/8/2025, ngày 06/9/2025 và ngày 12/9/2025 ông Bùi Đức T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Xuân H là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức T, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh là người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông Bùi Đức T, đã phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi cho ông T và đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực - Ninh Bình; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị H được làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét đơn kháng cáo của ông Bùi Đức T được làm vào các ngày 27/8/2025, ngày 06/9/2025 và ngày 12/9/2025; HĐXX nhận thấy, phần đầu của các đơn đều ghi người kháng cáo là ông Bùi Đức T, tuy nhiên chữ ký ở cuối đơn không phải là chữ của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã triệu tập ông T để giải trình về việc này; tại buổi làm việc vào ngày 23 tháng 12 năm 2025 ông T cho biết vào thời điểm làm đơn kháng cáo ông bị đau tay do tai nạn lao động, do vậy ông có nhờ con gái là chị Bùi Thị Th viết và ký đơn kháng cáo giúp ông. Ông T khẳng định toàn bộ nội dung đơn kháng cáo đã thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của ông. Vì vậy HĐXX nhận thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Đức T để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T; HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: vợ chồng Bùi Quang T1 và cụ Lữ Thị M sinh được 04 người con bao gồm ông Bùi Đức T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H. Ngoài ra vợ chồng cụ T1 không có người con nào khác.

[2.2] Về khối di sản thừa kế vợ chồng Bùi Quang T1 và cụ Lữ Thị M để lại bao gồm:

Thửa đất số 734 thuộc tờ Bản đồ số 7 có diện tích 82,5m² đất ở, tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), trị giá 379.500.000 đồng.

Thửa đất số 46 thuộc tờ Bản đồ số 8 có diện tích 386m² (trong đó: đất ở 208m², đất vườn trồng cây lâu năm 108m² và 70m² đất vườn trồng cây hàng năm, tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), trị giá 3.133.190.000 đồng các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất bao gồm 02 căn nhà mái bằng, trong đó có 01 căn xây dựng năm 1997, 01 căn xây dựng năm 2017 cùng với hệ thống các công trình phụ như bếp, nhà vệ sinh, bể nước, sân, tường bao, cánh cổng, hàng rào có trị giá là 1.168.895.000 đồng.

[2.3] Về công sức đóng góp trong quá trình xây dựng, duy trì khối di sản: căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, trong quá trình xây dựng, tạo lập các bất động sản bao gồm 02 căn nhà mái bằng cùng với hệ thống các công trình phụ trên thửa đất số 46 như đã nêu trên, ngoài phần lớn công sức của cụ Bùi Quang T1 ra, HĐXX nhận thấy còn có một phần công sức đóng góp của các đồng thừa kế là những người con của cụ T1 bao gồm (ông T với vợ là bà

G, bà Đ, bà H, ông H) tương ứng với số tiền 100.000.000 đồng/1 người như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ông Bùi Đức T có quan điểm cho biết, đối với việc xây dựng căn nhà mái bằng 02 tầng vào năm 2017, vợ chồng ông đã bỏ ra 250.000.000 đồng để thanh toán tiền công thợ mà người trực tiếp mang tiền đi thanh toán tiền công thợ là bà Hoàng Thị G (vợ ông). Ngoài ra ông T còn làm đơn đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về vấn đề này. HĐXX xét thấy, theo quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; thì trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đương sự có quyền cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ; Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên ông T không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh rằng, nguồn gốc số tiền nói trên là tài sản của vợ chồng ông. Việc bà Hoàng Thị G đi thanh toán tiền công thợ không đồng nghĩa với nguồn gốc số tiền nói trên là tài sản của vợ chồng ông T. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức T.

[2.4] Về nghĩa vụ của người chết để lại: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy. Vào năm 2015 khi thực hiện dự án xây dựng đường 68, hộ cụ Bùi Quang T1 bị thu hồi 149m² đất và được bố trí 01 lô đất tái định cư có diện tích 82,5m² có số thửa 734 thuộc tờ Bản đồ số 7, nhưng phải nộp tiền đất tái định cư với số tiền là 206.250.000 đồng, vợ chồng ông T bà G là người lo liệu trực tiếp nộp số tiền này. Vì thế cần phải xác định đây là nghĩa vụ của vợ chồng cụ T1 để lại; cấp sơ thẩm đã lấy tổng giá trị khối di sản trừ đi số tiền nói trên, phần còn lại mới phân chia cho các đồng thừa kế là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Như vậy, tổng trị giá khối di sản thừa kế của vợ chồng cụ T1 để lại sau khi trừ đi phần công sức đóng góp của các con và phần nghĩa vụ của người chết để lại là 3.975.335.000 đồng. Xét thấy, việc cấp sơ thẩm xác định diện, hàng thừa kế. Phân chia phần di sản của cụ M để lại theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế. Công nhận tính hợp pháp di chúc của cụ T1 rồi phân chia phần di sản cho những người được hưởng theo nội dung di chúc, xác định kỷ phần thừa kế của ông Bùi Đức H được hưởng không phụ thuộc vào nội dung di chúc của cụ T1. Phân chia theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của cụ T1 để lại không được định đoạt trong di chúc. Việc giao hiện vật cũng như nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch di sản cho các đồng thừa kế được thực hiện đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T.

[4] Từ nhận định trên đây HĐXX xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận bản di chúc đề ngày 11/12/2018 của ông Bùi Quang T1 và không ghi nhận số tiền 206.250.000 đồng ông Bùi Quang T1 nộp năm 2015 là của bà Hoàng Thị G. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đức T yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T đã nộp mỗi người là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000883 ngày 11 tháng 9 năm 2025 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001047 ngày 25 tháng 9 năm 2025; tại Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án;
- TAND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THSDS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Hà Nam